

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 13-07-2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Sơn

Các Thẩm phán:

- Ông Lâm Thuận Tùng;

- Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Phan Ý Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 23/2021/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 102/2021/HN-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân huyện CM, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 25/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Tổ 20, ấp T2, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang. Số điện thoại liên hệ: 0333.xxx.xxx.

Nơi tạm trú: Ấp MP, xã MA, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Thanh T2, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: Tổ 20, ấp T2, xã HA, huyện CM, tỉnh An Giang. Số điện thoại liên hệ: 0333.xxx.xxx (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Trần Ngọc T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày:

Chị T và anh T2 do quen biết nhau và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HA, huyện CM. Vợ chồng sống chung không hạnh phúc nhưng vì thương con nên vẫn sống chung trong nhà, nguyên nhân là sống không tình cảm, anh T2 làm ra tiền và quản lý toàn bộ, chỉ đưa cho chị một khoản tiền nhỏ không đủ để chi tiêu trong gia đình, đến tháng 4 năm 2020 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy tình cảm không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh T2.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung gồm Bùi Thị Bảo U, sinh ngày 11/11/2007, Bùi Thị Bảo X, sinh ngày 23/03/2009, Bùi Trung K, sinh ngày 17/10/2013, hiện nay các con chung đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Bùi Thanh T2 trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn thì đúng như chị T trình bày, trong cuộc sống tuy có những chuyện vợ chồng không hài hòa với nhau, nhưng anh cũng sửa đổi, không biết nguyên nhân gì mà chị T xin ly hôn, gia đình vẫn sống hạnh phúc. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung trong gia đình và cùng lo cho các con đầy đủ mọi mặt. Nay vợ xin ly hôn thì anh không đồng ý, vì anh còn thương vợ và thương con.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung như chị T đã trình bày, hiện nay các con chung đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, anh không đồng ý giao cho ai nuôi, vợ chồng cùng nhau nuôi các con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 102/2021/HN-ST ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 235, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Ngọc T đối với anh Bùi Thanh T2.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, chị Trần Ngọc T có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị như trình bày ở cấp sơ thẩm. Trong đơn kháng cáo chị T còn trình bày việc Tòa án cấp sơ thẩm sử dụng lời khai của người làm chứng bà Huỳnh Kim Lễ bác đơn xin ly hôn là không khách quan vì bà Loan có quan hệ họ hàng với anh T2.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Trần Ngọc T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được ly hôn. Về con chung vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi 03 người con chung, nhưng chị T có yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000 đồng/3 người con, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án giải quyết cho ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày ở cấp sơ thẩm.

Anh Bùi Thanh T2 không đồng ý với kháng cáo của chị T và vẫn giữ nguyên ý kiến như trình bày ở Tòa án cấp sơ thẩm. Ngoài ra, anh Trung còn trình bày thêm nếu Tòa án chấp nhận cho chị T ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cả 03 người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của chị Trần Ngọc T nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định, nên kháng cáo của chị T là hợp pháp, đề nghị chấp nhận về mặt hình thức.

- Về nội dung:

Chị T xin ly hôn nhưng không chứng minh được trong đời sống chung của vợ chồng, anh T2 có hành vi ngược đãi, dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

Chị Trần Ngọc T kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chị T không cung cấp thêm được những tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Trần Ngọc T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo của chị Trần Ngọc T: Đơn kháng cáo của chị Trần Ngọc T nộp trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung đúng theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của chị T về yêu cầu xin ly hôn:

Chị Trần Ngọc T và anh Bùi Thanh T2 có quen biết nhau và có tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đến ngày 10/6/2009 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã HA, huyện CM, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T2 được xác lập kể từ ngày 10/6/2009.

Trong quá trình vợ chồng chung sống, giữa chị T và anh T2 đôi lúc có cự cãi nhau nhưng chưa phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện chị T và anh T2 vẫn còn sống chung trong nhà, vẫn lo cho các con ăn học, trong khi đó anh T2 không đồng ý ly hôn, các con chung giữa chị T và anh T2 đều có ý kiến không muốn cha mẹ ly hôn nhau.

Chị T nêu ra lý do trong quá trình sống chung giữa chị và anh T2 thường hay cãi nhau do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, giữa chị và anh T2 không thể sống chung với nhau để xin ly hôn với anh T2, nhưng không chứng minh được trong đời sống chung của vợ chồng, anh T2 có hành vi ngược đãi, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người chồng. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

Chị Trần Ngọc T kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chị T không cung cấp thêm được những tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị Trần Ngọc T, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 102/2021/HN-ST, ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang.

[2.2]. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Ngọc T, nên không xem xét giải quyết về việc nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên án sơ thẩm, nên người kháng cáo là chị Trần Ngọc T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Ngọc T;

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/HN-ST, ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang, cụ thể như sau:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 148, Điều 235, và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Ngọc T đối với anh Bùi Thanh T2.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009407 ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền 0002235 ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM, tỉnh An Giang. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 102/2021/HN-ST, ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CM, tỉnh An Giang có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện CM;
- VKSND huyện CM;
- Chi cục THADS huyện CM;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Hồng Sơn